

Bản án số: **525/2021/HSPT**
Ngày: 22-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Ra, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 493/2021/TLPT-HS ngày 26 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo Mai Thị N và Mai Xuân G về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2021/HS-ST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Mai Thị N. Sinh ngày 03/02/1996 tại N, Thanh Hóa. Nơi đăng ký NKTT: huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Xuân Đ và bà Nguyễn Thị K; tiền án: không, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/9/2020 cho đến nay, bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Mai Xuân G. Sinh ngày 21/01/1992 tại N, Thanh Hóa. Nơi đăng ký NKTT: tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Xuân Đ và bà Nguyễn Thị K; tiền án: không, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 29/10/2020 cho đến nay, bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đào Đức D (sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố 4 thị trấn P, huyện P) là cán bộ công tác tại Đội Cảnh sát Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an huyện P từ năm 2014, nhưng gia đình cha, mẹ vợ con đều sinh sống ở thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nên có ý định muốn chuyển công tác về Nghệ An. Vào năm 2018, Mai Xuân G (sinh năm 1992, trú tại huyện P) là chiến sĩ nghĩa vụ có thời hạn được phân công thực hiện nghĩa vụ tại Công an huyện P và được biên chế vào Đội Cảnh sát thi hành án và hỗ trợ tư pháp nên anh D và G quen biết vì công tác cùng với nhau.

Vào khoảng đầu tháng 3 năm 2019, qua nói chuyện, G biết Đào Đức D có nhu cầu muốn chuyển công tác về Công an tỉnh Nghệ An để gần gia đình, G đã đưa ra thông tin gian dối là G có em gái ruột tên Mai Thị N là cán bộ đang làm việc tại Thanh tra Bộ Công an, có thể liên hệ, tác động đến công tác tổ chức cán bộ ngành Công an để xin cho anh D được điều động chuyển công tác về Công an tỉnh Nghệ An, nếu anh D cần thì G sẽ nói N giúp. Sau đó, G gọi điện thoại để anh D gặp N, đồng thời cho số điện thoại của N để anh D liên lạc.

Đào Đức D đã điện thoại trao đổi với Mai Thị N, được N hứa hẹn sẽ xin cho anh D chuyển công tác từ Công an huyện P về Công an tỉnh Nghệ An, với chi phí là 470.000.000đồng (bốn trăm bảy mươi triệu đồng), phải đưa trước 170.000.000đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng), khi nào có quyết định chuyển công tác thì đưa 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng) còn lại, anh D tin tưởng là thật nên đồng ý.

Từ ngày 11/3/2019 đến ngày 29/8/2019, G và N đưa ra nhiều lý do yêu cầu Đào Đức D chuyển tiền nhiều lần vào các số tài khoản của những người thân, người quen của N tổng số tiền là 420.000.000đồng (bốn trăm hai mươi triệu đồng) để xin chuyển công tác. Cụ thể, Đào Đức D đã vay, mượn tiền và nhờ người quen, người thân chuyển tiền vào các tài khoản: Tài khoản Mai Thị H (sinh năm: 1990; trú tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; là chị ruột của N) với số tiền 75.000.000đồng (bảy mươi lăm triệu đồng); Tài khoản chị Trần Thị T (sinh năm: 1996; trú tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; là người quen của N), số tiền: 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng); Tài khoản chị Lê Thị Thúy M (sinh năm: 1979; trú tại thành phố Hà Nội là người quen của N) số tiền: 185.000.000đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) và tài khoản anh Đồng Tiến D (sinh năm: 1993; trú tại tỉnh Thanh Hóa, là bạn của N) số tiền: 60.000.000đồng (sáu mươi triệu đồng). Sau đó N đã chiếm đoạt và sử dụng toàn bộ số tiền 420.000.000đồng vào mục đích cá nhân.

Mai Xuân G và Mai Thị N hẹn đến ngày 30/10/2019 sẽ có Quyết định chuyển công tác cho anh Đào Đức D, nếu không G sẽ có trách nhiệm hoàn trả lại tiền, G đứng ra viết giấy vay tiền để làm tin với anh D. Sau mỗi lần chuyển tiền đều xé bỏ giấy cũ và ghi lại giấy mới với tổng số tiền đã chuyển. Ngày 23/8/2019, anh D cùng bạn là Vi Văn Q (sinh năm: 1991; trú tại huyện Q, tỉnh Nghệ An) gặp Mai Thị N tại thành phố V, tỉnh Nghệ An để hỏi về việc xin

chuyên công tác. Khi gặp, N giới thiệu công tác tại Thanh tra Bộ Công an, đang đi kiểm tra công tác quy hoạch và bổ nhiệm tại Công an tỉnh Nghệ An, tại đây N vẫn cam kết sẽ xin cho anh D chuyển công tác, sau khi chuyển công tác sẽ được đi học tại Học viện Cảnh sát nhân dân hệ vừa làm, vừa học. Tuy nhiên, khi đến thời hạn, thấy chưa có Quyết định, anh D nhiều lần hỏi thì G và N đưa ra nhiều lý do, hứa hẹn nhiều lần và không hoàn trả lại số tiền đã nhận. Biết bị G và N lừa nên anh D đã làm Đơn tố cáo đến Công an huyện P để giải quyết theo quy định.

Vào ngày 20/12/2020, Đào Đức D giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai 01 (một) USB và trình bày bên trong có chứa các file ghi âm lại các cuộc nói chuyện điện thoại và cuộc nói chuyện khi anh D gặp N tại tỉnh Nghệ An liên quan đến việc N trao đổi chuyển xin chuyển công tác và đi học cho anh D. Ngày 20/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đã ra Quyết định số 22/VPCQCSĐT(Đ1) trưng cầu Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh giám định âm thanh (giọng nói), dịch nội dung các đoạn ghi âm thành văn bản.

Tại Kết luận giám định số: 758/C09B, ngày 08/4/2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Dữ liệu tiếng nói trong 03 file ghi âm mà Đào Đức D giao nộp, không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung.

Tiếng nói của người nữ trong 03 file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Mai Thị N trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

Tiếng nói của người nam trong 03 file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Đào Đức D trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

Nội dung hội thoại trong 03 file âm thanh cần giám định đã được chuyển thành văn bản gồm 13 trang giấy A4. Trong đó 01 file âm thanh có thời lượng 42 phút 29 giây là của Đào Đức D, Vi Văn Q và Mai Thị N; 01 file ghi âm có thời lượng 05 phút 09 giây và 01 file có thời lượng 05 phút 37 giây là của Đào Đức D và Mai Thị N.

Trong file âm thanh ghi âm cuộc nói chuyện giữa D và N, D nói *“Vậy lúc đầu em nói trăm bảy mà bây giờ anh đưa tận cái số đó chứ đâu phải là anh không giúp đỡ gì trong công việc đâu mà em nói như thế”*, N nói *“Nếu mà, nếu mà trăm, này em nói anh biết, nếu mà trăm bảy anh về thôi nhưng mà đây bên trường, bên trường thì phát sinh ra thì mọi lần bên trường nó gọi điện cho anh, chứ không phải em gọi điện em giục anh. Như thế nào thì anh cũng phải hiểu, chứ còn”*.

Khi đợi lâu không có quyết định chuyển về D muốn lấy lại tiền D nói trong ghi âm *“Trong giấy cũng viết 30 tháng 10 thì anh đợi đến giờ này là đợi, anh đợi lâu quá rồi, anh cũng không chịu được nữa đâu”,* N nói *“Thôi được rồi, không chịu được thì thôi, thì đến thứ hai bọn em quay lại bọn em ở Nghệ An xuống bọn em làm việc ấy mới ra Hà Nội thì là có gì thì bọn em thông báo ngày chính xác mà lấy tiền thôi, chứ bây giờ bảo bọn em đưa tiền luôn, bọn em cũng*

phải rút từ các ông ấy thôi, chứ không phải dùng một cái là lấy được luôn”; N nói tiếp “Đến ông C mà, ông C mà đến lúc trưa ông ấy còn gọi điện sang ông ấy hỏi rằng là: Hồ sơ của các cháu làm kiểu gì mà nó chuẩn bị nó chuyển mà bây giờ còn nói hủy như là cái chợ không bằng ấy”.

Quá trình điều tra Đào Đức D giao nộp tờ Giấy vay tiền và chứng từ giao dịch chuyển tiền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh đã ra Quyết định trưng cầu giám định tới Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh để giám định chữ viết, chữ ký ghi trên “GIẤY VAY TIỀN” đề ngày 03/8/2019.

Tại Kết luận giám định số: 766 ngày 30/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: Chữ viết, chữ ký ghi họ tên Mai Xuân G trên mẫu cần giám định và chữ viết chữ ký của Mai Xuân G trên các mẫu so sánh do cùng một người viết và ký ra.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra thu thập được các tin nhắn giữa Đào Đức D và Mai Xuân G, nhắn tin với nhau trên phần mềm Zalo thể hiện việc xin chuyển công tác cho D. Mai Xuân G hứa hẹn ngày D có quyết định và việc D đòi lại số tiền đã chuyển cho G và N. D nói *“A cũng có cái giới hạn của anh thôi. Còn a làm việc với e và N. Còn giờ N không lo được cho anh thì anh lấy lại tiền thôi”,* G nhắn tin lại *“A bảo ai không lo được cho nhà anh, không lo được mà ngoài kia họ gọi điện cho nhà anh để làm cái gì”.* D nhắn tin cho G *“N nói với anh như nào anh cũng lưu lại hết rồi, để xem N cấp bậc hàm gì và làm được gì. Xem có đúng như e và N nói không”,* G nhắn tin *“E đứng ra em trả cho a, bme cũng vừa điện thoại cho em sẽ trả cho anh đủ 420 tr”.*

Quá trình điều tra, khi được yêu cầu giải trình về số tiền đã chiếm đoạt của anh D, Mai Thị N khai đã liên hệ và đưa tiền cho người tên H (không rõ họ tên cụ thể) là người quen của N, trước đây công tác tại Công an tỉnh Phú Thọ, đã chuyển công tác về thành phố Hà Nội (không xác định nơi công tác cụ thể) với số tiền 370.000.000đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng) để nhờ H làm các thủ tục chuyển công tác cho anh D. Đến tháng 6 năm 2019 H bị bệnh chết nên không thực hiện được. Sau khi H chết, có người phụ nữ tên H gặp N, giới thiệu là bạn của H và yêu cầu N đưa thêm tiền nên N tiếp tục yêu cầu anh D chuyển cho N thêm 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) để đưa cho H.

Ngày 26/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai ra Quyết định ủy thác điều tra số: 89/VPCQCSĐT(Đ1) ủy thác cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ xác minh tại Công an tỉnh Phú Thọ về cán bộ tên H theo lời khai của Mai Thị N. Ngày 16/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã có Công văn số 2349/CQCSĐT(PC01-Đ3) trả lời: Tại Công an tỉnh Phú Thọ không có cán bộ chiến sĩ nào có thông tin như Mai Thị N khai. Bản thân N không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc đã đưa tiền cho H và H, đồng thời cũng không biết nhân thân, lai lịch của những người này. Do đó, không có căn cứ để khẳng định việc Mai Thị N đưa tiền cho những

người này mà đây chỉ là thủ đoạn gian dối nhằm che dấu việc sử dụng tiền chiếm đoạt vào mục đích cá nhân của Mai Thị N.

Với các nội dung trên,

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2020/HS-ST ngày 23/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Mai Xuân G, Mai Thị N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng vào điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Mai Thị N 10 (*mười*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/9/2020.

Xử phạt bị cáo Mai Xuân G 09 (*chín*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/10/2020.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, quyết định về phần án phí sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/9 và 04/10/2021, các bị cáo Mai Thị N và Mai Xuân G kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Thị N và Mai Xuân G, giữ nguyên quyết định về hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã khai nhận về hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do biết anh Đào Đức D đang công tác tại Công an huyện P, tỉnh Gia Lai có nguyện vọng xin chuyển công tác về Công an tỉnh Nghệ An nên Mai Xuân G đã đưa ra thông tin gian dối nói với anh D là Mai Thị N đang công tác tại Thanh tra Bộ công an có khả năng giúp anh D. Mặc dù G biết rõ N là em gái mình không có việc làm ổn định, không công tác trong lực lượng công an nhân dân, không có chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền xin chuyển công tác cho bất kỳ ai. Khi được anh D liên lạc nhờ chuyển công tác Mai Thị N cũng đưa ra thông tin gian dối có thể liên hệ, tác động đến công tác tổ

chức cán bộ của ngành Công an để giúp anh D điều động về Công an tỉnh Nghệ An. Từ đó anh D đã nhiều lần chuyển cho N thông qua các tài khoản của nhiều người khác nhau với tổng số tiền là 420.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền N đã chiếm đoạt toàn bộ tiêu xài cá nhân.

Với hành vi và hậu quả như trên, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử các bị cáo Mai Xuân G, Mai Thị N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo thấy hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác gây mất trật tự trị an trên địa bàn, mà còn gây ảnh hưởng xấu tới hình ảnh của ngành công an nhân dân. Khi lượng hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để tuyên phạt bị cáo Mai Xuân G mức án 09 năm tù, xử phạt bị cáo Mai Thị N mức án 10 năm tù là tương xứng với tính chất hành vi phạm tội cũng như hậu quả các bị cáo đã gây ra. Do đó, hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[3]. Đối với các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Thị N, Mai Xuân G và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2021/HSST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Mai Thị N 10 (*mười*) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/9/2020.

Xử phạt bị cáo Mai Xuân G 09 (*chín*) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/10/2020.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 23, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Mai Thị N và Mai Xuân G, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai*

trăm nghìn) đồng.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, về án phí sơ thẩm, về lãi chậm trả và quyền nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS – Công an huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSTHAHS – Công an huyện P;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSPA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh